

9. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	Tháng 7 năm 2022 so với tháng 6 năm 2022 (%)	Tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.258,03	6.179,86	101,34	1.930,97	97,45
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1.258,03	6.179,86	101,34	1.930,97	97,45
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	158.015,26	776.389,44	101,14	1.930,68	97,88
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	158.015,26	776.389,44	101,14	1.930,68	97,88
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	316,80	2.193,20	100,64	219,60	116,09
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	316,80	2.193,20	100,64	219,60	116,09
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	21.631,70	148.753,00	100,62	219,22	114,73
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	21.631,70	148.753,00	100,62	219,22	114,73
Hàng không	-	-	-	-	-